

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

*Đà Lạt, ngày 05 tháng 9 năm 2022*

Số: 317/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 40, Điều 48, Điều 147, Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ **việc Hôn nhân và gia đình** thụ lý số 472/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

*Một bên là:* Anh **Tạ X. H**, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Khu D, phường X, thành phố Đà Lạt

*Và một bên là:* Chị **Nguyễn T. H1.**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Khu D, phường X, thành phố Đà Lạt

Địa chỉ liên hệ: Suối Thông A2, xã Q, huyện K, tỉnh Lâm Đồng

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***[1] Về quan hệ hôn nhân:***

Anh Tạ X. H và chị Nguyễn T. H1. đăng ký kết hôn vào ngày 19/5/2017 tại UBND xã Đa Ròn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc nào, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán. Do đó, hôn nhân giữa anh H và chị H1 là hợp pháp.

Cuộc sống chung của vợ chồng sau khi kết hôn đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng anh chị không có tiếng nói chung, không có sự bàn bạc thống nhất trong mọi vấn đề dẫn tới tình trạng vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau nên anh H và chị H1 đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có sự động viên, thăm hỏi nhau. Nay anh H và chị H1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng thuận ly hôn. Do vậy cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tạ X. H và chị Nguyễn T. H1..

**[2] Về con chung:**

Vợ chồng có 01 con chung là Tạ Nguyễn D. Ph, sinh ngày: 10/12/2017. Hiện tại con đang sống cùng chị Nguyễn T. H1. tại Suối Thông A2, xã Đa Ròn, huyện đơn Dương.

Khi ly hôn, anh chị cùng thống nhất giao con chung cho chị Nguyễn T. H1. trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, anh Tạ X. H cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 3.000.000đ/tháng, thời gian thực hiện tính từ tháng 9/2022.

**[3] Về tài sản chung:** Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[4] Về nợ chung:** Không có.

**[5] Về án phí, lệ phí Tòa án:** Chị Nguyễn T. H1. thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Tạ X. H và chị Nguyễn T. H1. thỏa thuận thuận tình ly hôn

- Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung tên Tạ Nguyễn D. Ph, sinh ngày: 10/12/2017.

Khi ly hôn, anh chị cùng thống nhất giao con chung cho chị Nguyễn T. H1. trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, anh Tạ X. H cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 3.000.000đ/tháng (*Ba triệu đồng/tháng*), thời gian thực hiện tính từ tháng 9/2022.

*Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành án.*

*Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình*

2. Về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chị Nguyễn T. H1. thỏa thuận chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) lệ phí giải quyết việc ly hôn, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002054 ngày 05/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Chị Nguyễn T. H1. đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Căn cứ biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002053 ngày 05/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, hoàn trả anh Tạ X. H số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình đã tạm nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Lạt;
- Chi cục THA dân sự TP. Đà Lạt;
- UBND xã Đa Ròn, huyện Đơn Dương, Lâm Đồng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Đặng Thị Thới**